

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24/4/2024
Về: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Ngọc Dung

Bà Hồ Thị Hoàng Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoàng Sa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 47/2023/TLST- HNGĐ ngày 20/10/2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 01/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1984;

- Bị đơn: Anh Đoàn Ngọc H, sinh năm 1986;

Cùng có địa chỉ: Tổ Dân phố Trung Phước 2, thị trấn Trung Phước, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Chị Nguyễn Thị K vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Đoàn Ngọc H vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày:

1. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Đoàn Ngọc H xác lập đời sống chung vợ chồng, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05/02/2009 tại UBND

xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu chị K và anh H chung sống hạnh phúc; sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh H có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay chị K thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Ngọc H.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Đoàn Hương Giang, sinh ngày 24/7/2009; Đoàn Ngọc Trúc Giang, sinh ngày 05/10/2015 và Đoàn Ngọc Phúc Hưng, sinh ngày 20/11/2017. Quá trình giải quyết vụ án, chị K đề nghị chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đoàn Ngọc Phúc Hưng; anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đoàn Hương Giang và Đoàn Ngọc Trúc Giang cho đến khi các cháu thành niên; hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị K trình bày hiện tại vợ chồng không có các khoản nợ chung.

Chị K vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không có ý kiến bổ sung.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Đoàn Ngọc H thống nhất với những lời trình bày của chị K về quá trình chung sống vợ chồng, kết hôn, có con chung và thừa nhận hiện tại vợ chồng có các mâu thuẫn không tự giải quyết được; tuy nhiên, anh H cho rằng đó là những mâu thuẫn nhỏ nên đề nghị được đoàn tụ vợ chồng. Anh H không có yêu cầu phản tố trong vụ án, không tham gia đầy đủ các phiên họp, phiên hòa giải do Tòa án tiến hành và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng hiện nay của chị K và anh H; thu thập lời khai của các cháu Đoàn Hương Giang và Đoàn Ngọc Trúc Giang. Theo đó, Hội Liên hiệp phụ nữ thị trấn Trung Phước, huyện Nông Sơn cho biết chị K và anh H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn nhưng đã không còn chung sống từ khoảng tháng 10 năm 2023 cho đến nay; các cháu Hương Giang, Trúc Giang đều có nguyện vọng được sống cùng với anh H trong trường hợp chị K và anh H ly hôn.

Tại phiên hòa giải ngày 28/12/2023, chị K và anh H tự nguyện thỏa thuận, khi ly hôn, anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu: Đoàn Hương Giang và Đoàn Ngọc Trúc Giang; chị K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đoàn Ngọc Phúc Hưng cho đến khi các cháu thành niên; về cấp dưỡng, chị K và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng cho con.

Tại Văn bản số 02/CV-VKS ngày 12/4/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn cho rằng vụ án không thuộc trường hợp phải có sự tham gia của Viện Kiểm sát nên không phân công Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị K khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Đoàn Ngọc H, sinh năm 1986, trú tại Tổ Dân phố Trung Phước 2, thị trấn Trung Phước, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo đó, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Tại phiên tòa, anh Đoàn Ngọc H vắng mặt lần thứ hai nhưng không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị K vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt Kiểm sát viên: Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn có văn bản cho rằng vụ án không thuộc trường hợp phải có sự tham gia của Viện Kiểm sát nên không phân công Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Tòa án căn cứ Điều 232 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp pháp luật.

[1.4] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Đoàn Ngọc H xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/02/2009 tại UBND xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An; việc chung sống và đăng ký kết hôn của họ là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các Điều 9, 10 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh H là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị K và anh H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị K trình bày là do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; anh H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chị K và anh H có nhiều mâu thuẫn nhưng

không tự giải quyết được, từ khoảng tháng 10 năm 2023 cho đến nay vợ chồng không sống chung. Tòa án đã hòa giải nhiều lần để họ đoàn tụ nhưng không thành, anh H đề nghị được đoàn tụ nhưng không thiện chí, không tham gia đầy đủ các phiên họp, phiên hòa giải do Tòa án tiến hành để có thể được hòa giải đoàn tụ. Điều đó làm cho tình trạng hôn nhân của họ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; quá trình giải quyết vụ án, chị K kiên quyết xin được ly hôn anh H nên cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị K về hôn nhân, để chị K được ly hôn anh Đoàn Ngọc H.

[2.2]. Về con chung:

- Về người trực tiếp nuôi con:

Xét điều kiện, khả năng thực tế trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị K và anh H thì thấy: Tại thời điểm giải quyết vụ án, chị K và anh H đều là người có khả năng lao động để tạo ra thu nhập; cả hai đều không bị hạn chế quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Và, do đó, họ đều được xác định là có khả năng thực tế để trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con khi ly hôn.

Tại phiên tòa, chị K và anh H đều vắng mặt nên họ không có ý kiến về người trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị K và anh H tự nguyện thỏa thuận: Khi ly hôn, anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đoàn Hương Giang và Đoàn Ngọc Trúc Giang; chị K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đoàn Ngọc Phúc Hưng cho đến khi các cháu thành niên. Xét sự tự nguyện thỏa thuận của họ không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của các cháu Hương Giang, Trúc Giang; phù hợp với khả năng nuôi con thực tế của họ khi ly hôn và đảm bảo được sự phát triển tốt nhất về thể chất, tâm thần của các cháu nên cần căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để ghi nhận và giao các cháu theo sự thỏa thuận của họ để họ trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng cho con: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu phân chia tài sản chung và thống nhất trình bày hiện tại vợ chồng không có các khoản nợ chung nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K. Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Đoàn Ngọc H; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ thời điểm Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh Đoàn Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đoàn Hương Giang, sinh ngày 24/7/2009 và cháu Đoàn Ngọc Trúc Giang, sinh ngày 05/10/2015; chị Nguyễn Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đoàn Ngọc Phúc Hưng, sinh ngày 20/11/2017 cho đến khi các cháu thành niên.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tòa án có thể xem xét, quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật, nếu có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị K đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003124 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Viện KSND huyện Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- UBND xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Phúc

